

Số: /2019/QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày tháng năm 2019

Dự thảo lần I

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quyết định số 28/2015/QĐ-UBND ngày 09/11/2015 Quy định hỗ trợ áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2015 – 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản Quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Thông tư số 06/2018/TT-BNNPTNT ngày 21/6/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi Thông tư số 48/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/9/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về chứng nhận sản phẩm thủy sản, trồng trọt, chăn nuôi được sản xuất, sơ chế phù hợp với quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt;

Căn cứ Nghị quyết số 09/2015/NQ-HĐND ngày 17/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc Phê duyệt chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2015-2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số /TTr-SNN ngày /3/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quyết định số 28/2015/QĐ-UBND ngày 09/11/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh quy định hỗ trợ áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2015 – 2020 như sau:

1. Bổ sung Điều 3

“1. Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt bao gồm VietGAP (Vietnamese Good Agricultural Practices) do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành và các tiêu chuẩn GAP khác, tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận cho áp dụng (gọi

chung là VietGAP). Nhưng không áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt VietGAP (Vietnamese Good Agricultural Practices) do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành đối với trồng trọt.”.

“6. Chủ đầu tư: Là các tổ chức, cá nhân có chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu khoa học, mô hình thực nghiệm áp dụng VietGAP được cấp có thẩm quyền phê duyệt, giao kinh phí quản lý và tổ chức thực hiện từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, nguồn vốn hợp pháp khác hoặc hình thành từ nguồn vốn tự có (đối với trường hợp nhà nước không cấp phát kinh phí).”.

3. Bãi bỏ:

- Cụm từ “sơ chế” tại: Điều 1; Điều 2; Khoản 2, Khoản 3 Điều 3; Khoản 2 Điều 11; Khoản 8 Điều 12.

- Khoản 5 Điều 3; Khoản 11, Khoản 12, Khoản 13 Điều 5; Khoản 3 Điều 7; Điểm b Khoản 1 và Điểm c Khoản 9 Điều 12.

4. Sửa đổi Điều 6 như sau:

“Điều 6. Điều kiện để được hỗ trợ

1. Phù hợp theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và kế hoạch phát triển sản xuất của địa phương.

2. Sản phẩm phải thuộc danh mục quy định tại Điều 4 và đáp ứng yêu cầu về Quy mô cơ sở quy định tại Điều 5 của Quyết định này.

3. Cơ sở phải đăng ký áp dụng VietGAP theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 9/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.

4. Có hợp đồng tiêu thụ hoặc phương án tiêu thụ sản phẩm.

5. Việc hỗ trợ chỉ được thực hiện sau khi sản phẩm của cơ sở được đánh giá, chứng nhận đạt chuẩn VietGAP ”.

5. Sửa đổi Điều 10 như sau:

“Điều 10. Lập, phê duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ hàng năm

“ Đến hết ngày 30 tháng 7 hàng năm, các sở , ngành, ủy ban nhân dân cấp huyện hoàn tất xây dựng các chương trình, dự án, đề tài, mô hình thực nghiệm áp dụng VietGAP; tổng hợp và lập dự toán kinh phí hỗ trợ áp dụng VietGAP gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp gửi Sở Tài chính xem xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, bố trí kinh phí hỗ trợ”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Quy định chuyển tiếp

Cơ sở sản xuất, sơ chế đã được nhà nước hỗ trợ cấp Giấy chứng nhận VietGAP trồng trọt theo quy định tại Quyết định 28/2015/QĐ-UBND trước đây

được sử dụng Giấy chứng nhận VietGAP đến hết thời hạn ghi trong Giấy chứng nhận VietGAP và được giám sát theo quy định của tổ chức chứng nhận.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các Sở, ngành tỉnh có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Website Chính phủ;
- Bộ NN&PTNT;
- Vụ Pháp chế - Bộ NN&PTNT;
- Cục Kiểm tra VB - Bộ Tư pháp;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Các Sở: Tư pháp, NN&PTNT;
- Các CQCM thuộc UBND tỉnh;
- Báo, Đài PT&TH Trà Vinh;
- Trung tâm TH - CB tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- CVP, các PCVP.UBND tỉnh;
- Các PNC;
- Lưu: VT, NN.

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **9594** /BNN-PC

Hà Nội, ngày **11** tháng **12** năm 2018

V/v thông báo kiểm tra văn bản

SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT	
ĐẾN Số:.....	5769
Ngày:.....	19/12
Chuyên:.....	Đặt Trục V.P.

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh

Thực hiện nhiệm vụ kiểm tra theo thẩm quyền quy định tại Chương VIII Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiến hành kiểm tra đối với **Quyết định số 28/2015/QĐ-UBND ngày 09/11/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành quy định về chính sách hỗ trợ áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2015-2020** (Quyết định số 28/2015/QĐ-UBND).

Trên cơ sở kết quả kiểm tra, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có ý kiến như sau:

1. Về nội dung chưa phù hợp với quy định của pháp luật của Quyết định số 28/2015/QĐ-UBND

a) Điều 5 ban hành kèm theo Quyết định số 28/2015/QĐ-UBND về quy mô cơ sở được hỗ trợ áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2015-2020 quy định: Trồng rau phải có quy mô diện tích từ 01 ha trở lên/cơ sở sản xuất; Trồng cây ăn quả phải có quy mô diện tích từ 20 ha trở lên/cơ sở sản xuất; Sơ chế sản phẩm rau phải có công suất từ 150 tấn/năm trở lên/cơ sở sơ chế....

Điều 2 Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09/1/2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; Điều 2 Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT giữa Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT và Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg chỉ quy định đối tượng áp dụng là "*Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình sản xuất, sơ chế các loại sản phẩm nông lâm thủy sản an toàn thuộc Danh mục sản phẩm được hỗ trợ do Bộ Nông nghiệp và PTNT và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định.*" mà không quy định cụ thể quy mô cơ sở được hỗ trợ.

b) Điều 6 Quyết định số 28/2015/QĐ-UBND đã quy định thêm một số điều kiện so với với Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 9/1/2012 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BNNPTNT-BTC-

BKHĐT như sau: Có dự án hoặc phương án sản xuất, kinh doanh được UBND tỉnh phê duyệt (khoản 3 Điều 6); Cơ sở có cam kết thực hiện, duy trì việc sản xuất, sơ chế sản phẩm nông sản, thủy sản an toàn kể cả kết thúc hỗ trợ; đồng thời phải lập hồ sơ về môi trường theo quy định của pháp luật (khoản 4 Điều 6); Việc hỗ trợ chỉ được thực hiện sau khi sản phẩm của cơ sở được đánh giá, chứng nhận đạt chuẩn VietGap (khoản 6 Điều 6).

Nhận xét: các nội dung quy định tại Điều 5, Điều 6 Quyết định số 28/2015/QĐ-UBND là **không phù hợp** với quy định của Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg và Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT.

2. Kiến nghị, xử lý

Để đảm bảo tính hợp pháp, tính thống nhất của văn bản trong hệ thống pháp luật, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh:

a) Tổ chức tự kiểm tra, xử lý đối với nội dung chưa phù hợp với pháp luật của Quyết định số 28/2015/QĐ-UBND được nêu tại mục 1 của Thông báo này;

b) Rà soát quá trình thực hiện Quyết định số 28/2015/QĐ-UBND để có biện pháp khắc phục hậu quả do việc thực hiện các quy định trái pháp luật nêu trên gây ra (nếu có);

c) Gửi kết quả xử lý văn bản cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Thông báo này theo quy định của Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư Pháp (để ph/h);
- Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Trà Vinh (để biết);
- Lưu VT, PC. (05)



Hà Công Tuấn